

Số: 1388 /QĐ-UBND

Lộc Tấn, ngày 27 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỘC TẤN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân thành phố Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân xã Lộc Tấn về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 877./TTr-PKT ngày 27 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026 như sau:

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026 là 59.686 triệu đồng, cụ thể:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung là 18.759 triệu đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết là 37.727 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất là 3.200 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)



Điều 2. Bổ sung 05 dự án vào danh mục thực hiện dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2026 xã Lộc Tấn. Cụ thể:

1. Nâng cấp, mở rộng đường từ cổng chào ấp 10 đi ấp 11B, xã Lộc Tấn.
2. Mở rộng đường bê tông xi măng và xây dựng mương ấp 10.
3. Mở rộng đường bê tông xi măng và xây dựng mương liên ấp 5C, 6B.
4. Xây dựng mương tổ 3, ấp 10.
5. Xây dựng nhà ở bán trú, nhà ăn, nhà bếp, 04 phòng học, thư viện và các công trình phụ trợ Trường THCS Lộc Tấn, xã Lộc Tấn.

Điều 3. Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư công.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính;
- TT. ĐU, TT. HĐND xã (báo cáo);
- CT, các PCT. UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- KBNN kv XVII- PGD số 9;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Dũng





Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã QHNS	Danh mục dự án	Quyết định duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định duyệt dự án đầu tư		Kế hoạch năm 2026 điều chỉnh					Ghi chú
				Số/ngày	TMĐT	Số/ngày	TMĐT	Tổng số	trong đó				
									NSTT	XSKT	Đất	Khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG				86.814	-	38.353	59.686	18.759	37.727	3.200	-	
I	Phân bổ chi tiết				86.814	-	38.353	32.898	18.159	13.039	1.700	-	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2026						-	-	-	-	-		
	Dự án khởi công mới 2026				38.771		38.353	27.624	14.785	11.289	1.550	-	-
1	3.Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8191813	Xây dựng nhà thi đấu đa năng và hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Tiểu học Lộc Tấn A	16/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	4.000	1221/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	4.000	2.325		2.325			
2	3.Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8191809	Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Tiểu học Lộc Tấn B	17/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	2.000	1222/QĐ-UBND ngày 26/6/2026	2.000	1.500		1.500			
3	6.2 Văn hóa	8191808	Xây dựng nhà vệ sinh, đài nước, giếng khoan nhà văn hóa các ấp	17/QĐ-UBND ngày 9/01/2026	2.000	1084/QĐ-UBND ngày 01/6/2026	2.000	1.700	1.700				
4	10.1 Giao thông	8191807	Xây dựng mương tổ 4, 5 ấp 1, xã Lộc Tấn	19/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	1.784	1085./QĐ-UBND ngày 01/6/2026	1.784	1.564		1.564			
5	10.1 Giao thông	8191806	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông ấp 1B, xã Lộc Tấn	20/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	5.350	1057/QĐ-UBND ngày 22/05/2026	5.350	4.900	2.050	2.500	350		

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã QHNS	Danh mục dự án	Quyết định duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định duyệt dự án đầu tư		Kế hoạch năm 2026 điều chỉnh					Ghi chú
				Số/ngày	TMDT	Số/ngày	TMDT	Tổng số	trong đó				
									NSTT	XSKT	Đất	Khác	
6	10.1 Giao thông	8191805	Mương thoát nước tổ 5,6,7,9 ấp 4A, xã Lộc Tấn	21/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	4.375	1185/QĐ-UBND ngày 18/06/2026	4.375	2.000	2.000				
7	10.1 Giao thông	8191804	Mương thoát nước từ ngã 3 ấp 11B đi ấp 10 và kè mương tổ 3, ấp 10, xã Lộc Tấn	24/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	1.776	1078/QĐ-UBND ngày 01/6/2026	1.775	1.600		1.600			
8	10.1 Giao thông	8191869	Đường tổ 4, ấp Thạnh Đông, xã Lộc Tấn	25/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	787	1066/QĐ-UBND ngày 26/05/2026	786	700	700				
9	10.1 Giao thông	8191824	Mương thoát nước tổ 4,5 ấp Thạnh Đông, xã Lộc Tấn	26/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	3.500	1186/QĐ-UBND ngày 18/06/2026	3.499	2.000		1.800	200		
10	10.1 Giao thông	8191821	Mở rộng đường BTXM, mương thoát nước tổ 1,4 ấp Thạnh Đông, xã Lộc Tấn	27/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	3.250	1187/QĐ-UBND ngày 18/06/2026	3.250	1.935	1.935				
11	10.1 Giao thông	8191823	Mương thoát nước tổ 4, ấp K57.	28/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	2.500	1079/QĐ-UBND ngày 01/6/2026	2.500	2.000	1.500		500		
12	10.1 Giao thông	8191819	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông xi măng, mương thoát nước tổ 6, ấp Măng Cai, xã Lộc Tấn	29/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	2.300	1188/QĐ-UBND ngày 18/06/2026	1.966	1.400	1.200		200		
13	10.1 Giao thông	8191817	Mương thoát nước tổ 8, ấp 5B, xã Lộc Tấn.	31/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	1.459	1086./QĐ-UBND ngày 01/6/2026	1.459	1.000	1.000				
14	10.13 Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn	8191815	Nâng cấp, mở rộng hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông ấp 11A, 11B, ấp 1, xã Lộc Tấn	33/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	2.430	1058/QĐ-UBND ngày 22/05/2026	2.381	2.000	1.700		300		
15	10.13 Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn	8191811	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng từ QL13 đi Cầu làng 9, xã Lộc Tấn	35/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	1.260	1059/QĐ-UBND ngày 22/05/2026	1.228	1.000	1.000				
	Chuẩn bị đầu tư				86.814	-	-	4.474	2.574	1.750	150	-	

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã QHNS	Danh mục dự án	Quyết định duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định duyệt dự án đầu tư		Kế hoạch năm 2026 điều chỉnh					Ghi chú
				Số/ngày	TMĐT	Số/ngày	TMĐT	Tổng số	trong đó				
									NSTT	XSKT	Đất	Khác	
1	3.Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8191813	Xây dựng nhà thi đấu đa năng và hệ thống phòng cháy, chữa cháy Trường Tiểu học Lộc Tấn A	16/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	4.000			251	251				
2	3.Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8191809	Xây dựng hệ thống phòng cháy, chữa cháy Trường Tiểu học Lộc Tấn B	17/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	2.000			131	131				
3	3.Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		Xây dựng nhà ở bán trú, nhà ăn, nhà bếp, 04 phòng học, thư viện và các công trình phụ trợ Trường THCS Lộc Tấn, xã Lộc Tấn	1165/QĐ-UBND ngày 12/06/2026	25.063			1.000		1.000			
4	6.2 Văn hóa	8191808	Xây dựng nhà vệ sinh, đài nước, giếng khoan Nhà văn hóa các ấp	18/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	2.000			111	111				
5	10.1 Giao thông	8191807	Xây dựng mương tổ 4, 5 ấp 1, xã Lộc Tấn	19/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	1.784			85	85				
6	10.1 Giao thông	8191806	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông ấp 1B, xã Lộc Tấn	20/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	5.350			220	220				
7	10.1 Giao thông	8191805	Mương thoát nước tổ 5,6,7,9 ấp 4A, xã Lộc Tấn	21/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	4.375			207	207				
8	10.1 Giao thông	8191804	Mương thoát nước từ ngã 3 ấp 11B đi ấp 10 và kè mương tổ 3, ấp 10, xã Lộc Tấn	24/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	1.776			84	84				
9	10.1 Giao thông	8191869	Đường tổ 4, ấp Thạnh Đông, xã Lộc Tấn	25/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	787			50	50				
10	10.1 Giao thông	8191824	Mương thoát nước tổ 4,5 ấp Thạnh Đông, xã Lộc Tấn	26/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	3.500			153	153				
11	10.1 Giao thông	8191821	Mở rộng đường BTXM, mương thoát nước tổ 1,4 ấp Thạnh Đông, xã Lộc Tấn	27/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	3.250			165	165				

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã QHNS	Danh mục dự án	Quyết định duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định duyệt dự án đầu tư		Kế hoạch năm 2026 điều chỉnh					Ghi chú
				Số/ngày	TMDT	Số/ngày	TMDT	Tổng số	trong đó				
									NSTT	XSKT	Đất	Khác	
12	10.1 Giao thông	8191823	Mương thoát nước tổ 4, ấp K57	28/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	2.500			149	149				
13	10.1 Giao thông	8191819	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông xi măng, mương thoát nước tổ 6, ấp Măng Cai, xã Lộc Tấn	29/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	2.300			121	121				
14	10.1 Giao thông	8191817	Mương thoát nước tổ 8 ấp 5B, xã Lộc Tấn	31/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	1.459			72	72				
15	10.1 Giao thông	8203326	Nâng cấp, mở rộng đường từ cổng chào ấp 10 đi ấp 11B, xã Lộc Tấn	1080/QĐ-UBND ngày 01/06/2026	8.940			400	400				
16	10.1 Giao thông	8203325	Mở rộng đường bê tông xi măng và xây dựng mương ấp 10	1083/QĐ-UBND ngày 01/06/2026	3.000			200		200			
17	10.1 Giao thông	8203323	Mở rộng đường bê tông xi măng và xây dựng mương liên ấp 5C, 6B	1081/QĐ-UBND ngày 01/06/2026	10.000			550		550			
18	10.1 Giao thông	8203324	Xây dựng mương tổ 3, ấp 10	1082/QĐ-UBND ngày 01/06/2026	1.040			150			150		
19	10.13 Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn	8191815	Nâng cấp, mở rộng hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông ấp 11A, 11B, ấp 1, xã Lộc Tấn	33/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	2.430			257	257				
20	10.13 Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn	8191811	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng từ QL13 đi Cầu làng 9, xã Lộc Tấn	35/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	1.260			118	118				
	Ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền				800		-	800	800	-	-	-	

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã QHNS	Danh mục dự án	Quyết định duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định duyệt dự án đầu tư		Kế hoạch năm 2026 điều chỉnh					Ghi chú
				Số/ngày	TMĐT	Số/ngày	TMĐT	Tổng số	trong đó				
									NSTT	XSKT	Đất	Khác	
I	10.15 Ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền		Vốn ủy thác cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách địa phương		800			800	800				
II	Dự phòng các nhiệm vụ (bổ trí cấp sau quyết toán; nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; các dự án đủ điều kiện bổ sung vốn ...)							1.000	-	1.000	-	-	
III	Dự phòng chưa phân bổ (dự kiến phân bổ cho dự án theo danh mục khi hoàn thiện thủ tục đầu tư)							25.788	600	23.688	1.500		